

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 622/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 7 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2024
(đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017; Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội khóa XV về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội khóa XV về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Công điện số 11/CĐ-BKHĐT ngày 12/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 238/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công tỉnh Bắc Ninh năm 2024;

Xét đề nghị của Liên Sở Kế hoạch và Đầu tư - Tài chính tại Tờ trình số 64/LS: KH&ĐT-TC ngày 20/12/2023.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch đầu tư công năm 2024 đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố với tổng nguồn là: **3.022.450** triệu đồng (*Bằng chữ: Ba nghìn không trăm hai mươi hai tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng*), cụ thể như sau:

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 2.659.900 triệu đồng;
- Nguồn cân đối ngân sách cấp huyện, xã: 233.200 triệu đồng;
- Nguồn thu, điều tiết ngân sách cấp huyện, xã: 35.050 triệu đồng;
- Nguồn bổ sung có mục tiêu theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND: 39.000 triệu đồng;
- Nguồn bổ sung có mục tiêu để thực hiện dự án tái định cư, dự án xây dựng nghĩa trang, nghĩa địa phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường Vành đai 4 và dự án giao thông quan trọng: 55.300 triệu đồng;

(*Chi tiết từng địa phương theo phụ lục 01,02 đính kèm*).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện:

1. Rà soát tổng nguồn vốn cấp địa phương, xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2024 của cấp mình và hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định kế hoạch đầu tư công năm 2024 của cấp mình theo đúng quy định của pháp luật và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn có liên quan; thực hiện giao kế hoạch đầu tư công năm 2024 đối với các dự án, nhiệm vụ chỉ đảm bảo đủ thủ tục đầu tư, tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ điều kiện, thứ tự ưu tiên và đúng thời gian quy định.

2. Quản lý, sử dụng vốn đầu tư công năm 2023 đúng quy định, không để thất thoát, lãng phí, tiêu cực trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước; Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hoặc đột xuất theo chỉ đạo của cấp trên. Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền của đơn vị trong quá trình quản lý, theo dõi kế hoạch đầu tư công và thực hiện dự án.

Điều 3. Giao các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh theo chức năng phối hợp với đơn vị có liên quan hướng dẫn các đơn vị sử dụng vốn đầu tư công trong việc quản lý, sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 bảo đảm theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn của cơ quan Trung ương và quy định phân cấp của tỉnh Bắc Ninh.

Điều 4. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Ninh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *hiện*

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 4;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c):
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Tân Phụng

11-11-2017

PHỤ LỤC 01: PHƯƠNG ÁN GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CẤP HUYỆN, XÃ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Địa phương	TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024	* Nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó:				Trong đó:			Ghi chú
				Nguồn thu tiền sử dụng đất cấp huyện	Nguồn thu tiền sử dụng đất cấp xã	Nguồn cân đối ngân sách cấp huyện	Nguồn thu điều tiết ngân sách huyện xã	Phương án bổ sung mục tiêu năm 2024			
								Tổng cộng	Theo tiêu chí, định mức tại Nghị quyết số 13/2020/NQ -HĐND	Để thực hiện dự án tái định cư, dự án xây dựng nghĩa trang, nghĩa địa phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường Vành đai 4 và dự án giao thông quan trọng	
	TỔNG CỘNG	3.022.450	2.659.900	2.504.900	155.000	233.200	35.050	94.300	39.000	55.300	
1	Thành phố Bắc Ninh	395.750	343.300	308.300	35.000	37.300	15.150	-	-	-	
2	Thành phố Từ Sơn	222.600	190.700	145.700	45.000	28.000	3.900	-	-	-	
3	Huyện Tiên Du	268.100	236.500	211.500	25.000	29.200	2.400	-	-	-	
4	Thị xã Quế Võ	220.900	179.300	164.300	15.000	35.000	6.600	-	-	-	
5	Huyện Yên Phong	302.900	235.300	230.300	5.000	26.800	1.800	39.000	39.000	-	
6	Thị xã Thuận Thành	1.327.700	1.238.600	1.228.600	10.000	30.300	3.500	55.300	-	55.300	
7	Huyện Gia Bình	164.900	141.600	131.600	10.000	23.300	-	-	-	-	
8	Huyện Lương Tài	119.600	94.600	84.600	10.000	23.300	1.700	-	-	-	



PHỤ LỤC 02: DANH MỤC DỰ ÁN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CẤP HUYỆN
(Kèm theo Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTĐT		KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 2021-2025	Quyết định phê duyệt dự án		Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (đến 31/10/2023)	Nhu cầu kế hoạch đầu tư công năm 2024 của cấp huyện	Kế hoạch đầu tư công năm 2024			Ghi chú	
			Số, ngày tháng	TMDT		Số, ngày tháng	TMDT			Tổng số	Trong đó			
											Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản		
	TỔNG CỘNG				146.000	80.000		129.389	24.700	146.000	55.300	-	-	
A	Dự án tái định cư, dự án xây dựng nghĩa trang, nghĩa địa phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường vành đai 4 và dự án giao thông quan trọng				146.000	80.000		129.389	24.700	146.000	55.300			
I	Thị xã Thuận Thành				146.000	80.000		129.389	24.700	146.000	55.300			
1	Dự án: Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân tại xã Mão Điền, thị xã Thuận Thành	Ban Quản lý các dự án xây dựng thị xã Thuận Thành	2898/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND thị xã Thuận Thành		45.000	25.000	1070/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	39.404	8.000	45.000	17.000			
2	Dự án: Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân tại thôn Điện Tiên, xã Nguyệt Đức, thị xã Thuận Thành	Ban Quản lý các dự án xây dựng thị xã Thuận Thành	2896/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND thị xã Thuận Thành		26.000	14.000	1242/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	24.940	4.300	26.000	9.700			
3	Dự án: Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân tại thôn Lê Xá, xã Nguyệt Đức, thị xã Thuận Thành	Ban Quản lý các dự án xây dựng thị xã Thuận Thành	2895/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND thị xã Thuận Thành		27.000	15.000	1076/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	23.902	4.900	27.000	10.100			
4	Dự án: Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân tại thôn Yên Nhuế, xã Nguyệt Đức, thị xã Thuận Thành	Ban Quản lý các dự án xây dựng thị xã Thuận Thành	2894/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND thị xã Thuận Thành		17.000	9.000	1246/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	12.576	2.500	17.000	6.500			
5	Dự án: Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân tại xã Ngũ Thái, thị xã Thuận Thành	Ban Quản lý các dự án xây dựng thị xã Thuận Thành	2897/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND thị xã Thuận Thành		31.000	17.000	1069/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	28.567	5.000	31.000	12.000			

